



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Lầu 6 tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ, phường 15
quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.3840 6618; Fax: 08.3840 6616

Email: vacohcm@vaco.com.vn

Website: www.vaco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 07/11/2013 (NGÀY THÀNH LẬP) ĐẾN NGÀY 31/12/2014**

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 2 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 3 - 4 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 5 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 6 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 7 - 20 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

Số 07, đường Ngô Văn Trí, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 07/11/2013 (ngày thành lập) đến ngày 31/12/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|------------------------|------------|
| Ông Nguyễn Văn Thiên | Chủ tịch |
| Ông Dương Hoàng Sơn | Thành viên |
| Ông Võ Văn Bình | Thành viên |
| Ông Nguyễn Thanh Phong | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Thu Vân | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Trí | Thành viên |
| Ông Lý Thế Anh Tuấn | Thành viên |

Tổng Giám đốc

| | |
|-------------------|---------------|
| Ông Trần Thế Hưng | Tổng Giám đốc |
|-------------------|---------------|

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

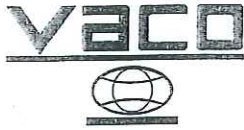
Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Trần Thế Hưng
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 9 tháng 4 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Lầu 6 tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ, phường 15
quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08.3840 6618; Fax: 08.3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Số: 033 /VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nước Thù Dầu MỘT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước Thù Dầu Một (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09/4/2015, từ trang 03 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 07/11/2013 (ngày thành lập) đến ngày 31/12/2014 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 07/11/2013 (ngày thành lập) đến ngày 31/12/2014, phù hợp Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại



Nguyễn Minh Hùng
Giám đốc Chi nhánh
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0294-2013-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. HCM, ngày 09 tháng 4 năm 2015

Nguyễn Ngọc Thạch
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2014 |
|---|-------|-------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 128.911.480.382 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 3.847.756.570 |
| 1. Tiền | 111 | | 3.847.756.570 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 83.000.000.000 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | 6 | 83.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 5.157.600.349 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | 7 | 1.334.331.456 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 21.797.400 |
| 3. Các khoản phải thu khác | 135 | 8 | 3.801.471.493 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 9 | 160.617.417 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 160.617.417 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 36.745.506.046 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 44.925.766 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 36.608.784.080 |
| 3. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 10 | 91.796.200 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250 + 260) | 200 | | 522.197.489.348 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 377.816.202.247 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 11 | 377.764.468.584 |
| - Nguyên giá | 222 | | 380.158.182.392 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (2.393.713.808) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 12 | 51.572.052 |
| - Nguyên giá | 228 | | 70.000.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (18.427.948) |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 13 | 161.611 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 144.300.000.000 |
| 1. Đầu tư dài hạn khác | 258 | 14 | 144.300.000.000 |
| III. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 81.287.101 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 81.287.101 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | <u>651.108.969.730</u> |

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2014 |
|---|------------|-------------|------------------------|
| | | | |
| A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 414.939.108.680 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 124.206.551.971 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 15 | 100.000.000.000 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | 16 | 7.457.678.878 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 17 | 43.672.520 |
| 4. Chi phí phải trả | 316 | | 33.505.375 |
| 5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 18 | 15.763.237.745 |
| 6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 908.457.453 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 290.732.556.709 |
| 1. Vay và nợ dài hạn | 334 | 19 | 290.732.556.709 |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 236.169.861.050 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 20 | 236.169.861.050 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 226.282.500.000 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 920.431.253 |
| 3. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 575.269.533 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 8.391.660.264 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 651.108.969.730 |



Trần Thế Hưng
Tổng Giám đốc
Bình Dương, ngày 09 tháng 4 năm 2015

Đinh Thị Thúy Nga
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Bình
Kê toán trưởng


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 07/11/2013 đến ngày 31/12/2014


MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Từ 07/11/2013 đến 31/12/2014 |
|--|-------|-------------|------------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 19.295.647.173 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | | 19.295.647.173 |
| 4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ | 11 | | 3.963.172.778 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 15.332.474.395 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 22 | 1.790.936.906 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 23 | 4.006.915.954 |
| - Bao gồm: Chi phí lãi vay | 23 | | 3.986.915.954 |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 1.733.433.511 |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)) | 30 | | 11.383.061.836 |
| 10. Thu nhập khác | 31 | | 522.214.300 |
| 11. Chi phí khác | 32 | | 522.214.300 |
| 12. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | - |
| 13. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 11.383.061.836 |
| 14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 24 | - |
| 14. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế (60=50) | 60 | | 11.383.061.836 |
| 15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 25 | 900 |



Trần Thế Hưng
Tổng Giám đốc
Bình Dương, ngày 09 tháng 4 năm 2015


Đinh Thị Thúy Nga
Người lập biểu


Nguyễn Hữu Bình
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 07/11/2013 đến ngày 31/12/2014

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Từ 07/11/2013 đến 31/12/2014 |
|--|-------|---------------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 1 | 11.383.061.836 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | |
| - Khấu hao TSCĐ | 2 | 2.412.141.756 |
| - (Lãi)/Lỗ hoạt động đầu tư | 5 | (1.790.936.906) |
| - Chi phí lãi vay | 6 | 3.986.915.954 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi Vốn lưu động | 8 | 15.991.182.640 |
| - (Tăng)/Giảm các khoản phải thu | 9 | (41.858.180.629) |
| - (Tăng)/Giảm hàng tồn kho | 10 | (160.617.417) |
| - Tăng/(Giảm) các khoản phải trả | 11 | (356.016.585.849) |
| - (Tăng)/Giảm chi phí trả trước | 12 | (126.212.867) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | (3.986.915.954) |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | (587.243.333) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (386.744.573.409) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác | 21 | (913.663.636) |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (83.000.000.000) |
| 3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | (144.300.000.000) |
| 4. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 1.790.936.906 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (226.422.726.730) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH | 31 | 226.282.500.000 |
| 2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 534.818.319.299 |
| 3. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (144.085.762.590) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 617.015.056.709 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | 3.847.756.570 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) | 70 | 3.847.756.570 |



Trần Thế Hưng
Tổng Giám đốc
Bình Dương, ngày 09 tháng 4 năm 2015

Đinh Thị Thúy Nga
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Bình
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một là doanh nghiệp Cổ phần thành lập mới, hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3702226772 đăng ký lần đầu ngày 07/11/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 08 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư, khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất;
- Đầu tư, quản lý hệ thống thoát nước;
- Xây dựng công trình công ích;
- Thi công xây dựng, sửa chữa hệ thống cấp thoát nước;
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế cấp thoát nước;
- Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế các công trình thủy lợi vừa và nhỏ;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Lập dự toán, dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Bán lẻ và bán buôn vật tư ngành nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Thi công đường dây trung, hạ thế, trạm biến áp, hệ thống chiếu sáng công cộng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Dịch vụ tư vấn về môi trường;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Dịch vụ phân tích, đánh giá chất lượng nước, môi trường.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Riêng kỳ này hoạt động từ ngày 07/11/2013 đến ngày 31/12/2014 là kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty cổ phần.

Các bên liên quan

Các bên liên quan đến Công ty bao gồm:

Công ty TNHH ITV Cấp thoát Nước Môi trường Bình Dương
Công ty TNHH sản xuất Thương mại Quỳnh Phúc
Công ty TNHH Thương mại NTP
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B
Công ty Cổ phần Tân Thanh
Thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc

Cổ đông
Cổ đông
Cổ đông
Cổ đông
Có cùng thành viên chủ chốt
Thành viên chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | Năm 2014 (Số năm khấu hao) |
|---------------------------------|-------------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 15-20 |
| Máy móc, thiết bị | 10-15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 08-20 |
| Thiết bị, dụng cụ Quản lý | 06 |
| Phần mềm máy vi tính | 05 |

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông; Vốn bổ sung hàng kỳ từ lợi nhuận của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động, đồng thời Công ty đang trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (miễn thuế trong 4 năm, và giảm 50% trong 05 năm tiếp kể từ khi có thu nhập chịu thuế) theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 28/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ cho dự án thuộc hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường theo Quy định của Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 20/5/2008 của Chính phủ. Thu nhập cho kỳ hoạt động từ 07/11/2013 đến 31/12/2014 là kỳ miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đầu tiên của Công ty.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2014 |
|--------------------|----------------------|
| | VND |
| Tiền mặt | 60.964.001 |
| Tiền gửi ngân hàng | 3.786.792.569 |
| Cộng | <u>3.847.756.570</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

| | | |
|-----|---|------------------------------|
| 6. | ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN | 31/12/2014 VND |
| | Cho Công ty TNHH ITV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương vay (i) | 80.000.000.000 |
| | Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm | 3.000.000.000 |
| | Cộng | <u><u>83.000.000.000</u></u> |
| | | |
| (i) | Khoản cho Công ty TNHH ITV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương vay theo hợp đồng số 08/HDKT-2014 ngày 01/10/2014. thời hạn cho vay là 10 tháng, lãi suất 7.5%/năm. | |
| 7. | PHẢI THU KHÁCH HÀNG | 31/12/2014 VND |
| | Công ty TNHH ITV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương | 1.334.331.456 |
| | Cộng | <u><u>1.334.331.456</u></u> |
| | | |
| 8. | PHẢI THU KHÁC | 31/12/2014 VND |
| | Ban quản lý dự án CN Nam TDM Mở rộng | 1.801.471.493 |
| | Phải thu khác | 2.000.000.000 |
| | Cộng | <u><u>3.801.471.493</u></u> |
| | | |
| 9. | HÀNG TỒN KHO | 31/12/2014 VND |
| | Nguyên liệu, vật liệu | 160.617.417 |
| | Cộng giá gốc hàng tồn kho | <u>160.617.417</u> |
| | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - |
| | Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho | <u><u>160.617.417</u></u> |
| | | |
| 10. | TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC | 31/12/2014 VND |
| | Tạm ứng | 91.796.200 |
| | Cộng | <u><u>91.796.200</u></u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị quản lý | Tổng cộng |
|-----------------------------------|------------------------|---------------------|---------------------------------|------------------|-----------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Tại ngày 07/11/2013 | - | - | - | - | - |
| Mua sắm trong năm | - | - | 753.663.636 | 90.000.000 | 843.663.636 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 220.300.764.071 | 65.163.904.867 | 93.849.849.818 | - | 379.314.518.756 |
| Tại ngày 31/12/2014 | 220.300.764.071 | 65.163.904.867 | 94.603.513.454 | 90.000.000 | 380.158.182.392 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Tại ngày 07/11/2013 | - | - | - | - | - |
| Khấu hao trong năm | 1.331.781.932 | 500.846.136 | 544.916.385 | 16.169.355 | 2.393.713.808 |
| Tại ngày 31/12/2014 | 1.331.781.932 | 500.846.136 | 544.916.385 | 16.169.355 | 2.393.713.808 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày 07/11/2013 | - | - | - | - | - |
| Tại ngày 31/12/2014 | 218.968.982.139 | 64.663.058.731 | 94.058.597.069 | 73.830.645 | 377.764.468.584 |

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Phần mềm máy tính | Tổng cộng |
|-------------------------------|-------------------|------------|
| NGUYÊN GIÁ | | |
| Tại ngày 07/11/2013 | - | - |
| Mua trong năm | 70.000.000 | 70.000.000 |
| Tại ngày 31/12/2014 | 70.000.000 | 70.000.000 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | |
| Tại ngày 07/11/2013 | - | - |
| Khấu hao trong năm | 18.427.948 | 18.427.948 |
| Tại ngày 31/12/2014 | 18.427.948 | 18.427.948 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | |
| Tại ngày 07/11/2013 | - | - |
| Tại ngày 31/12/2014 | 51.572.052 | 51.572.052 |

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Tình hình biến động chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ:

Từ 07/11/2013
Đến 31/12/2014
VND

| | |
|--------------------------------------|-------------------|
| Dư 07/11/2013 | - |
| Tăng trong năm | 379.314.680.367 |
| Kết chuyển tài sản cố định trong năm | (379.314.518.756) |
| Dư 31/12/2014 | 161.611 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

| | | | |
|-------|--|-----------------|----------------------------|
| 14. | ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC | 31/12/2014 | |
| | | VND | |
| | Đầu tư mua Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai | 144.300.000.000 | |
| | <i>Trong đó:</i> | | |
| | <i>Công ty mua cổ phiếu qua Công ty TNHH ITV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương (i)</i> | 84.000.000.000 | |
| | <i>Công ty mua cổ phiếu qua Công ty Cổ phần Tân Thanh (ii)</i> | 13.100.000.000 | |
| | <i>Công ty mua cổ phiếu trực tiếp (iii)</i> | 47.200.000.000 | |
| | Cộng | 144.300.000.000 | |
| | Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn | - | |
| | Giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác | 144.300.000.000 | |
| (i) | Theo Biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 24/11/2014, Công ty và Công ty TNHH ITV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương hợp tác góp vốn đầu tư (mỗi bên 50%) mua 15.000.000 cổ phiếu chiến lược của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai, tương đương 168 tỷ VND. Công ty đồng ý để Công ty TNHH ITV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương làm đại diện cho 2 bên cho phần vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai. Cổ tức nhận được từ Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai sẽ được phân chia theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp đầu tư. | | |
| (ii) | Theo Biên bản thỏa thuận về việc mua cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai ngày 14/11/2014, Công ty đồng ý giao cho Công ty Cổ phần Tân Thanh đứng tên đăng ký đầu giá mua 1.000.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai, tương đương 13,1 tỷ VND. Cho đến thời điểm hiện nay, số cổ phiếu phổ thông trên vẫn chưa chuyển sang tên của Công ty. | | |
| (iii) | Khoản đầu tư mua 4.000.000 cổ phiếu phổ thông, tương đương 4% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai với tổng giá trị là 47,2 tỷ VND. | | |
| 15. | VAY NGẮN HẠN | 31/12/2014 | |
| | | VND | |
| | Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Dương | 100.000.000.000 | |
| | Cộng | 100.000.000.000 | |
| 16. | PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN | 31/12/2014 | |
| | | VND | |
| | Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 | 6.901.674.378 | } +100 tỷ = 7.960.988,8 |
| | Xí nghiệp Tư vấn Cấp thoát nước | 359.314.500 | |
| | Phải trả người bán khác | 196.690.000 | |
| | Cộng | 7.457.678.878 | |
| 17. | THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC | 31/12/2014 | |
| | | VND | |
| | Thuế thu nhập cá nhân | 10.755.540 | |
| | Thuế tài nguyên | 32.916.980 | |
| | Cộng | 43.672.520 | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2014 |
|--|-----------------------|
| | VND |
| Khoản mượn Công ty TNHH ITV Cấp Thoát Nước MT Bình Dương (i) | 15.755.000.000 |
| Bảo hiểm y tế, xã hội | 8 237 745 |
| Cộng | <u>15.763.237.745</u> |
| (i) Khoản tiền của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương theo Hợp đồng số 05/HĐKT/2014 ngày 12/9/2014, trong đó Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương sẽ chuyển tiền hỗ trợ cho Công ty với số tiền 19.200.000.000 VND. Sau đó, mỗi tháng TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương sẽ thu hồi lại 30% tổng số tiền đã chuyển. | |

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

| | 31/12/2014 |
|---|------------------------|
| | VND |
| Vay dài hạn | |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (i) | 122.132.556.709 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (ii) | 168.600.000.000 |
| Cộng | <u>290.732.556.709</u> |
| (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam bao gồm: | |
| • Theo hợp đồng vay số 14280090/2014-HĐTDDA/NHCT-640 ngày 27/11/2014, hạn mức 110 tỷ VND. Thời hạn vay 84 tháng, trong đó thời gian ân hạn là 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay 12 tháng đầu là 7%/năm, sau đó sẽ được điều chỉnh hàng tháng. Mục đích vay để thanh toán chi phí thực hiện dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng - Xây dựng trạm bơm nước thô và Nhà máy xử lý nước. công suất 45.000 m3/ngày đêm. Khoản vay gốc tại ngày 31/12/2014 là 67.862.556.709 VND; | |
| • Theo hợp đồng vay số 14290116/2014-HĐTDDA/NHCT-640 ngày 27/11/2014, hạn mức 54.27 tỷ đồng. Thời hạn vay 84 tháng, trong đó thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay 12 tháng đầu là 6,8%/năm, sau đó sẽ được điều chỉnh hàng tháng. Mục đích vay để đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ của Công ty CP Cấp nước Đồng Nai. Khoản vay được bảo đảm theo hợp đồng thế chấp cổ phiếu hình thành trong tương lai số 14290114/TC ngày 27/11/2014. Khoản vay gốc tại ngày 31/12/2014 là 54.270.000.000 VND. | |
| (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam -CN bình Dương theo hợp đồng vay số 024D14 ngày 27/10/2014, hạn mức vay 240 tỷ đồng. Thời hạn vay 84 tháng, trong đó thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay 12 tháng đầu tiên là 6,8%/năm; sau đó lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng và biên độ 1,9%/năm. Mục đích vay để thanh toán cho dự án "Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng - trạm bơm nước thô và nhà máy xử lý công suất 45.000 m3/ngày đêm. | |

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

| | 31/12/2014 |
|---|------------------------|
| | VND |
| Trong vòng một năm | - |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 193.721.376.689 |
| Sau năm năm | 97.011.180.020 |
| Cộng | <u>290.732.556.709</u> |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn) | - |
| Số phải trả sau 12 tháng | <u>290.732.556.709</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn điều lệ | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận chưa phân phối | Tổng cộng |
|---------------------------|------------------------|--------------------------|---------------------------|-----------------------------|------------------------|
| Số dư tại ngày 07/11/2013 | - | - | - | - | - |
| Tăng vốn trong kỳ | 226.282.500.000 | - | - | - | 226.282.500.000 |
| Lợi nhuận trong kỳ | - | - | - | 11.383.061.836 | 11.383.061.836 |
| Trích quỹ trong kỳ | - | 920.431.253 | 575.269.533 | (2.991.401.572) | (1.495.700.786) |
| Số dư tại ngày 31/12/2014 | <u>226.282.500.000</u> | <u>920.431.253</u> | <u>575.269.533</u> | <u>8.391.660.264</u> | <u>236.169.861.050</u> |

Vốn lã trong kỳ phản ánh vốn góp của các thành viên toàn bộ bằng tiền trong kỳ.

Theo Quy định trong Điều lệ, Công ty tạm thực hiện phân phối lợi nhuận với giá trị là 2.991.401.572 đồng, cụ thể như sau:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.495.700.786 VND (tương đương 13% lợi nhuận sau thuế).
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 920.431.253 VND (tương đương 8% lợi nhuận sau thuế).
- Trích quỹ dự phòng tài chính: 575.269.533 VND (tương đương 5% lợi nhuận sau thuế)

Việc tạm phân phối lợi nhuận với giá trị là 2.991.401.572 đồng nêu trên sẽ chính thức được Đại hội đồng cổ đông năm 2015 chính thức thông qua trong thời gian tới.

Cổ phiếu

| | 31/12/2014 |
|---|------------|
| | Cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 20.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 22.628.250 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 22.628.250 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 22.628.250 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 22.628.250 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng): | 10.000 |

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

| | Theo giấy | | Vốn đã góp | |
|---|--------------------------|--------------|------------------------|---------------|
| | chứng nhận đăng ký doanh | | tại ngày 31/12/2014 | |
| | VND | % | VND | % |
| Công ty TNHH ITV Cấp thoát Nước Môi trường Bình Dương | 52.000.000.000 | 26,00 | 62.400.000.000 | 31,2% |
| Công ty TNHH sản xuất Thương mại Quỳnh Phúc | 44.000.000.000 | 22,00 | 39.600.000.000 | 19,8% |
| Công ty TNHH Thương mại NTP | 30.000.000.000 | 15,00 | 36.000.000.000 | 18,0% |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B | 30.000.000.000 | 15,00 | 36.000.000.000 | 18,0% |
| Cổ đông khác | 44.000.000.000 | 22,00 | 52.282.500.000 | 26,1% |
| Cộng | <u>200.000.000.000</u> | <u>100,0</u> | <u>226.282.500.000</u> | <u>113,1%</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

| | | |
|-----|--|--|
| 21. | CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ | Từ 07/11/2013 Đến 31/12/2014 VND |
| | | <hr/> |
| | Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 23.488.948.022 |
| | Chi phí nhân công | 22.874.573.432 |
| | Chi phí khấu hao tài sản cố định | 24.475.645.842 |
| | Chi phí dịch vụ mua ngoài | 6.124.330.501 |
| | Chi phí khác bằng tiền | 7.568.269.771 |
| | Cộng | 84.531.767.568 |
| | | <hr/> <hr/> |
| 22. | DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | Từ 07/11/2013 Đến 31/12/2014 VND |
| | | <hr/> |
| | Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 1.790.936.906 |
| | Cộng | 1.790.936.906 |
| | | <hr/> <hr/> |
| 23. | CHI PHÍ TÀI CHÍNH | Từ 07/11/2013 Đến 31/12/2014 VND |
| | | <hr/> |
| | Lãi tiền vay | 3.986.915.954 |
| | Chi phí tài chính khác | 20.000.000 |
| | Cộng | 4.006.915.954 |
| | | <hr/> <hr/> |
| 24. | THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP | Từ 07/11/2013 Đến 31/12/2014 VND |
| | | <hr/> |
| | Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế | 11.383.061.836 |
| | Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | - |
| | Thu nhập chịu thuế | 11.383.061.836 |
| | Thuế suất thông thường | 10% |
| | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.138.306.184 |
| | Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn | (1.138.306.184) |
| | Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại | - |

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% trên thu nhập tính thuế (xem thuyết minh số 4). Tuy nhiên, thu nhập cho kỳ hoạt động từ 07/11/2013 đến 31/12/2014 là kỳ miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đầu tiên của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHẦN

Từ 07/11/2013
Đến 31/12/2014
VND

| | |
|---|----------------|
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 11.383.061.836 |
| Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu | 12.644.932 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 900 |
| Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu | 10.000 |

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

| | |
|---|-------------------|
| | 31/12/2014 VND |
| Các khoản vay | 390.732.556.709 |
| Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.847.756.570 |
| Nợ thuần | 386.884.800.139 |
| Vốn chủ sở hữu | 236.169.861.050 |
| Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu | 1,64 |

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Giá trị ghi sổ
31/12/2014
VND

| | |
|--------------------------------------|------------------------|
| Tài sản tài chính | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.847.756.570 |
| Đầu tư tài chính | 227.300.000.000 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 5.135.802.949 |
| Tổng cộng | 236.283.559.519 |

Công nợ tài chính

| | |
|-------------------------------------|------------------------|
| Vay và nợ | 390.732.556.709 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 23.212.678.878 |
| Chi phí phải trả | 33.505.375 |
| Tổng cộng | 413.978.740.962 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu. thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | Dưới 1 năm VND | Từ 2 đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Tổng VND |
|--------------------------------------|------------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------------|
| 31/12/2014 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.847.756.570 | - | - | 3.847.756.570 |
| Đầu tư tài chính | 227.300.000.000 | - | - | 227.300.000.000 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 5.135.802.949 | - | - | 5.135.802.949 |
| Tổng cộng | 236.283.559.519 | - | - | 236.283.559.519 |
| Vay và nợ | 100.000.000.000 | 193.721.376.689 | 97.011.180.020 | 390.732.556.709 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 23.212.678.878 | - | - | 23.212.678.878 |
| Chi phí phải trả | 33.505.375 | - | - | 33.505.375 |
| Tổng cộng | 123.246.184.253 | 193.721.376.689 | 97.011.180.020 | 413.978.740.962 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 113.037.375.266 | (193.721.376.689) | (97.011.180.020) | (177.695.181.443) |

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, tuy nhiên Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty TNHH ITV Cấp thoát Nước Môi trường Bình Dương
Công ty TNHH sản xuất Thương mại Quỳnh Phúc
Công ty TNHH Thương mại NTP
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B
Công ty Cổ phần Tân Thanh
Thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Cổ đông
Cổ đông
Cổ đông
Cổ đông
Có cùng thành viên chủ chốt
Thành viên chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Từ 07/11/2013
Đến 31/12/2014
VND

Công ty TNHH ITV Cấp thoát Nước Môi trường Bình Dương

| | |
|--------------------------------------|----------------|
| Cung cấp dịch vụ | 19.295.647.173 |
| Cho vay | 80.000.000.000 |
| Mượn liền | 19.200.000.000 |
| Trả tiền mượn | 3.445.000.000 |
| Chuyển tiền đầu tư tài chính dài hạn | 84.000.000.000 |

Công ty Cổ phần Tân Thanh
Chuyển tiền đầu tư tài chính dài hạn

13.100.000.000

Số dư với các bên liên quan:

31/12/2014
VND

Công ty TNHH ITV Cấp thoát Nước Môi trường Bình Dương

Các khoản phải thu

| | |
|---|----------------|
| Phải thu cung cấp dịch vụ | 1.334.331.456 |
| Phải thu tiền cho vay | 80.000.000.000 |
| Phải thu liên quan đến tiền mua cổ phiếu chiến lược của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai | 84.000.000.000 |

Các khoản phải trả

| | |
|-----------|----------------|
| Mượn tiền | 15.755.000.000 |
|-----------|----------------|

Công ty Cổ phần Tân Thanh
Phải thu liên quan đến tiền mua cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai

13.100.000.000

28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 7/11/2013 (ngày thành lập) đến ngày 31/12/2014 của Công ty.



Trần Thế Hưng
Tổng Giám đốc
Bình Dương, ngày 09 tháng 4 năm 2015

Đinh Thị Thúy Nga
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Bình
Kế toán trưởng